



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**BIÊN BẢN BÀN GIAO THIẾT BỊ**

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 209/2024/HĐKT ký ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa Công ty TNHH xây dựng và thử nghiệm kiểm định VP và Công ty TNHH Thiết bị và đo lường Việt Nam

Hôm nay, ngày 08 tháng 4 năm 2023, chúng tôi gồm có:

**BÊN A: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP**

Địa chỉ: Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Kim Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Tel: 0392.686.659 fax:

MST: 1001277165

Số TK: 6322689999 tại Ngân hàng MB Bank PGD Hưng Hà, chi nhánh Thái Bình

Do Bà: Đoàn Thị Thúy Hằng - Giám đốc - Làm đại diện

**BÊN B: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số nhà 6, Ngõ 109/7, Đường Nguyễn Văn Trỗi, P. Mộ Lao, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

VPGD: LK 18+19, Lô 7A, KĐT Himlam Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội

Tel: 0934 604 398

MST: 0108 654 054

Số TK: 111.222.666.888 - Tại: ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt-CN Hà Nội-PGD Hà Đông

Số TK: 4501.000.6352.666 - tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN. Hà Đông

Do Bà: Trần Ngọc Mai - Giám đốc - Làm đại diện

Cùng nhau kiểm tra, xác nhận thiết bị vật tư do Bên B bàn giao cho Bên A như sau:

**Điều 1: Bàn giao hàng hoá thiết bị:**

Code	Tên thiết bị, thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Ghi chú
ME.0011	<p>Máy kéo nén vạn năng 1000kN (Hiển thị điện tử bằng màn hình LCD)</p> <p>- Hãng sản xuất: Senxin</p> <p>- Model: WA-1000</p> <p>Phù hợp tiêu chuẩn thí nghiệm: SO6892, BS4449, ASTM C39, ISO75001, ASTM A370, ASTM E4, ASTM E8 and BSEN standards và TCVN</p> <p>Thiết bị được điều khiển thông qua bộ điều khiển trung thông qua màn hình LCD, được lập trình thử nghiệm thông qua phần mềm chuyên dụng.</p> <p>Phần mềm này cung cấp thu thập dữ liệu và quản lý các kết quả thí nghiệm kéo, nén, uốn các loại vật liệu, chức năng quản lý cơ sở dữ liệu, cung cấp khả năng lưu trữ dữ liệu một cách dễ dàng. Các kết quả thu được bao gồm tất cả các thông tin mô tả chi tiết quá trình thí nghiệm.</p> <p>Phần mềm cho phép tự động lưu trữ kết quả khi kết thúc quá trình thí nghiệm.</p>	TQ	1	ch	

	<b>Thông tin kỹ thuật:</b> - Khả năng tải tối đa: 1000KN - Độ chính xác: $\pm 1\%$ - Khoảng cách kéo max: 700mm - Khoảng cách nén max: 600mm - Độ dày mẫu lá dẹt: 0-40mm - Đường kính mẫu tròn: $\phi 14-\phi 45\text{mm}$ - Khoảng cách thử uốn Max giữa 2 gối uốn: 300mm - Đường kính tấm nén: $\phi 225\text{mm}$ - Loại khung 6 cọc, van điều khiển định từ thủy lực - Công suất: 1.1Kw - Kích thước máy: 900x700x2250mm - Kích thước bộ điều khiển: 550x500x1250mm - Trọng lượng: 2900kg				
	<b>Cung cấp bao gồm:</b> + Máy chính khung chịu tải chính cường độ cao 1000kN, có lồng thép an toàn khi thử nghiệm + Bộ tủ nguồn điều khiển thủy lực trung tâm kèm màn hình LCD kèm phần mềm điều khiển hoạt động của máy chính và báo cáo kết quả, giao diện hoạt động bằng tiếng Anh được tích hợp sẵn trong bộ điều khiển. + Hệ thống điều khiển thốt nén, điều khiển ngàm kẹp bằng phím bấm nhanh tiện dụng khi sử dụng thử nghiệm. + 03 bộ má kẹp thép gồm: 01 bộ má kẹp thép tròn: 13-26mm 01 bộ má kẹp thép tròn: 26-40mm 01 bộ má kẹp thép dẹt: 0-40mm + Bộ gối uốn trượt đa năng và đầu dao uốn thép tiêu chuẩn D50mm; + Hệ thống tuy ô thủy lực, các dây kết nối nguồn và máy tính. + Catalogue, hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh				
ME.0016	Bộ gối uốn thép dùng cho máy kéo thép vạn năng: Phù hợp với TCVN/ISO bao gồm 21 cỡ tiêu chuẩn: Bao gồm các cỡ gối: D30; D32; D36; D40; D42; D48; D50; D56; D60; D64; D70; D72; D80; D84; D96; D108; D120; D132; D150; D168; D192mm, bộ gá trên cho các gối, thùng gỗ	VN	1	Bộ	
ME.0017	Bộ gá kéo bu lông (13 cỡ) dùng thử kéo Bulong trên máy kéo thép đường kính từ bulong M6-M32: Cung cấp bao gồm các đầu kéo thay thế cho bulong: M6; 8; 10; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 25; 28; 30; 32mm, bộ gá trên, dưới, thùng gỗ	VN	1	bộ	
<b>II</b>	<b>THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG</b>				

ME.0058	<p>Máy nén bê tông 2000KN (Bản cao cấp, kiểu dáng LUDA)  Model: TYA-2000  Hãng sản xuất: Senxin  Máy dùng để nén, uốn, bê tông, gạch, xi măng và các vật liệu xây dựng khác.  Hoạt động bằng động cơ điện, tự động lưu giữ giá trị nén Max khi phá hủy mẫu, có thể cài đặt các mẫu nén cơ bản theo tiêu chuẩn và các mẫu nén tự do, tự động tính toán mức vật liệu khi kết thúc nén, in kết quả bằng máy in nhiệt Graphic  Điều chỉnh khoảng cách nén bằng trục ren chịu lực cường độ cao  Khả năng nén Max: 2000KN  Sai số: ±1%  Áp suất dầu lớn nhất: 45MPa  Khoảng cách lớn nhất 2 tấm nén: 365mm  Kích thước tấm nén: 240x240mm  Hành trình piston: 50mm  Đường kính piston: 250mm  Tốc độ đi lên lớn nhất của piston: 50mm/min  Tốc độ hồi của piston: 20mm/min  Nguồn điện: 220V, 50Hz; 0,75Kw  Kích thước: 960x480x1380mm  Trọng lượng: 750kg.  Tiếng ồn: ≤60dB</p>	TQ	1	ch	
ME.0075	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa	VN	12	ch	
ME.0090	<p>Bột capping mẫu bê tông trụ S350 (25kg/1 bao)  Dùng bịt đầu mẫu trụ khi nén thí nghiệm, đảm bảo lực nén được tiếp xúc đều trên bề mặt mẫu</p>	VN	1	bao	
ME.0097	<p>Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX  Côn chuẩn D100 x D200 x H300  Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, tấm đế thép 500x500x2,5mm (có 1 tai xách), thanh đảm, ca xúc mẫu tròn, thước là 500mm</p>	VN	1	bộ	
ME.0099	Bộ ép chế mẫu bê tông hình trụ D150	VN	1	bộ	
III	<b>THÍ NGHIỆM XI MĂNG , VỮA</b>				
ME.0165	<p>Dụng cụ Vica  Dùng xác định độ dẻo tiêu và thời gian đông kết, thời gian kết thúc đông kết của xi măng  Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính.</p>	TQ	1	bộ	
ME.0173	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	TQ	1	bộ	
ME.0179	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa	TQ	3	bộ	
ME.0184	<p>Cát chuẩn 0,08-2mm, ISO 679  Trọng lượng tiêu chuẩn: 1.35kg/1 túi</p>	VN	15	túi	
ME.0190	Khuôn Le Chatelier	TQ	6	ch	
ME.0191	<p>Bình tỷ trọng xi măng  Dùng để đo tỷ trọng xi măng  Thể tích 250 ml  Vạch chia từ 0 - 1 ml và từ 18 - 24 trên cổ bình  Độ chính xác 0,5 ml</p>	TQ	1	ch	
V	<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU (GÁ TỖ ĐÁ-SỎI)</b>				

ME.0255	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150	VN	1	bộ	
ME.0257	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75	VN	1	bộ	
ME.0258	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	VN	1	ch	
ME.0259	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong	VN	1	ch	
ME.0260	Thùng dung trọng 1 lít ( Hộc đong)	VN	1	ch	
ME.0261	Thùng dung trọng 2 lít ( Hộc đong)	VN	1	ch	
ME.0263	Thùng dung trọng 5 lít ( Hộc đong)	VN	1	ch	
ME.0264	Thùng dung trọng 10 lít ( Hộc đong)	VN	1	ch	
ME.0267	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	VN	1	ch	
ME.0268	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	VN	1	ch	
ME.0269	Bảng màu chuẩn	VN	1	ch	
ME.0271	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ)	VN	1	bộ	
ME.0283	Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3	VN	1	ch	
ME.0284	Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	VN	1	bộ	
ME.0285	Thiết bị xác định góc cạnh của cát theo TCVN 8860-7:2011. Bao gồm: Phễu côn rót, bộ gá phễu, ống đong dung tích chuẩn.	VN	1	bộ	
	<b>Bộ sàng D300 lỗ vuông bao gồm các cỡ từ 0,071 - 90mm</b>	TQ	20	ch	
<b>VI</b>	<b>THÍ NGHIỆM ĐẤT, ĐỊA CHẤT</b>				
ME.0453	<b>Máy nén CBR 50KN (loại dùng cung lực)</b> <b>Model: CBR -2</b> Khả năng tải Max: 50KN Tốc độ tải:1,27 mm/phút. Loại 1 tốc độ tiêu chuẩn, di chuyển nhanh khi không tải bằng tay quay. Trọng lượng khoảng: 60kg Bao gồm: Máy chính, Piston xuyên, gá đỡ đồng hồ so, 02 đồng hồ so 10 x 0,01mm, kèm cung lực 50KN.	TQ	1	ch	
ME.0462	Khuôn CBR tiêu chuẩn mạ cầu vồng. Phù hợp với TCVN, ASTM Gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 10x0,01mm.	VN	3	bộ	
ME.0470	Đĩa phân cách tiêu chuẩn.	VN	1	ch	
ME.0475	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 3 cốc âm, dao trộn, bát trộn, hộp đựng.	VN	1	bộ	
ME.0477	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande Bao gồm: Bộ dụng cụ xác định độ giới hạn chảy của đất kèm bộ đệm, dụng cụ khía rãnh, miết rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng bằng gỗ.	VN	1	ch	
ME.0482	Cối Proctor tiêu chuẩn	VN	1	ch	
ME.0483	Chày Proctor tiêu chuẩn	VN	1	ch	
ME.0484	Cối Proctor cải tiến	VN	1	ch	
ME.0485	Chày Proctor cải tiến	VN	1	ch	
<b>10</b>	<b>THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b>				
ME.0700	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh Bao gồm: Tấm ép D340mm, kích thủy lực 32tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực 16 tấn, bộ giàn đỡ thiên phân kế, 02 đồng hồ so 10x0,01mm	VN	1	bộ	

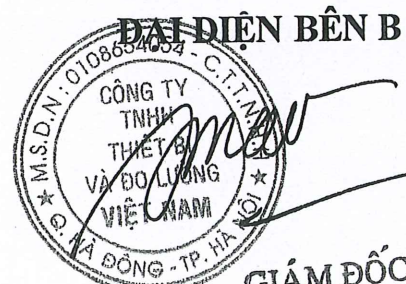
ME.0710	Bộ dao vòng lấy mẫu đất. Bao gồm: Chày, Thanh dẫn, Gá dao vòng, 3 lưỡi dao	VN	1	bộ	
ME.0719	Phễu rót cát hiện trường Kèm: Bình cát chuẩn bằng nhựa, tấm dung trọng hiện trường, 3 gim, túi vải.	VN	1	bộ	
ME.0722	Cát chuẩn kiểm tra độ chặt, 0,3-0,6mm (50kg)	VN	50	kg	
ME.0723	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi.	TQ	1	ch	
ME.0724	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát. Bao gồm: Hộp gỗ, ống đồng tiêu chuẩn, bàn xoa chuẩn, chổi mềm.	VN	1	bộ	
11	<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM DÙNG CHUNG</b>				
ME.0932	Tủ sấy 300 <sup>0</sup> C chỉ thị điện tử Model: 101-1A Dung tích: 71 lít Nhiệt độ: cài đặt tùy ý từ nhiệt độ môi trường đến 299 độC Chỉ thị bằng đồng hồ điện tử	TQ	1	ch	
ME.0954	Cân kỹ thuật 5000g/0.01g (Labex-Anh) Model: HC-B50002 - Màn hình hiển thị màu LCD, rộng, thuận tiện cài đặt và sử dụng - Hộp chắn gió bảo vệ - Bảo vệ chống quá tải Thông số kỹ thuật: - Khả năng cân Max: 5000g - Độ chính xác: 0,01g - Độ lặp lại: 0.01g - Kích thước đĩa cân: Ø130mm - Kích thước cân: 34x26.5x24cm - Adapter: DC12V/AC6V	TQ	1	ch	
ME.0958	Cân điện tử ALC 15kg (VibraShinko - Nhật) Khả năng cân : 15kg ± 0.5g Cấp chính xác: II, OIML Kích thước đĩa cân: 230mm x 280mm 3 màn hình LCD. Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	TQ	1	ch	
ME.0959	Cân điện tử ALC 6kg (VibraShinko - Nhật) Khả năng cân : 6kg ± 0.2g Cấp chính xác: II, OIML Kích thước đĩa cân: 230mm x 280mm 3 màn hình LCD: số lượng, khối lượng tổng, khối lượng đơn vận mẫu Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	TQ	1	ch	

ME.0960	Cân điện tử ALC 30kg (Shinko - Nhật) Khả năng cân: 30kg ± 1g Cấp chính xác: II, OIML Kích thước đĩa cân: 230mm x 280mm 3 màn hình LCD: số lượng, khối lượng tổng, khối lượng đơn vận mẫu Tính năng: Đếm, cân thông thường, trừ bì. Nguồn điện: 220V/6V/4h hoặc AC/DC adaptor	TQ	1	ch	
ME.0974	Rọ cân thủy tinh 200x200	VN	1	ch	
ME.0985	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng)	TQ	1	ch	
ME.0986	Bình khối lượng riêng 2000ml (Bình tam giác cổ rộng)	TQ	1	ch	
ME.0989	Bình tam giác 100ml	TQ	1	ch	
ME.0990	Bình tam giác 250ml	TQ	1	ch	
ME.0991	Bình tam giác 500ml	TQ	1	ch	
ME.0992	Bình tam giác 1000ml	TQ	1	ch	
ME.1000	Ống đong thủy tinh 50ml	TQ	1	ch	
ME.1001	Ống đong thủy tinh 100ml	TQ	1	ch	
ME.1002	Ống đong thủy tinh 250ml	TQ	1	ch	
ME.1003	Ống đong thủy tinh 500ml	TQ	1	ch	
ME.1004	Ống đong thủy tinh 1000ml	TQ	1	ch	
ME.1017	Hộp nhôm D55x35	TQ	10	ch	
ME.1018	Hộp nhôm D80x52	TQ	10	ch	
ME.1021	Khay chứa mẫu 300x220x50mm	VN	5	ch	
ME.1021.	Khay chứa mẫu 200x100x50mm	VN	5	ch	
ME.1022	Khay chứa mẫu 550x550x50mm	VN	5	ch	
ME.1023	Nhiệt kế điện tử Model: TP101 Khoảng đo từ -50 đến 300 độ C	TQ	1	ch	
ME.1029	Nhiệt kế thủy tinh 100C	TQ	1	ch	
ME.1035	Tỷ trọng kế 151H, 0,995 TO 1,038 G/ML	TQ	1	ch	
ME.1036	Tỷ trọng kế 152H, -5 +60 G/LITRE	TQ	1	ch	

- Tình trạng thiết bị: Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và đúng chủng loại.
- Thiết bị được bảo hành 12 tháng kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu thiết bị.
- Bên B đã bàn giao, Bên A đã nhận đủ và đúng chủng loại số vật tư thiết bị trên theo đúng nội dung Hợp đồng kinh tế số 209/2024/HĐKT. Thiết bị đã được kiểm tra, chạy thử, hoạt động tốt khi bàn giao.
- Bên B đã lắp đặt, chuyển giao công nghệ và hoàn thành các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng kinh tế trên.
- Biên bản bàn giao được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.



**GIÁM ĐỐC**  
Đào Thị Thủy Hằng



**GIÁM ĐỐC**  
Trần Ngọc Mai